

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KRÔNG ANA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1  
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ NGOÀI NĂM 2025 VÀ NĂM 2026  
(Kèm theo Công văn số     /UBND-VHXX, ngày     /8/2025 của UBND xã Krông Ana)

| STT | Tên trường         | Xã/Phường    | Cấp học | Đăng ký<br>Cấp độ<br>KĐCLG<br>Đ | Mức độ<br>CQG | Công nhận<br>mới/ công<br>nhận lại/nâng<br>chuẩn<br>(CNM/<br>CNL/NC) | Thời gian<br>thực hiện | Số điện<br>thoại | Ghi chú                |
|-----|--------------------|--------------|---------|---------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------|------------------------|
| 1   | TH Trần Phú        | Xã Krông Ana | TH      | 2                               | 1             | CNL                                                                  | Tháng 10 năm 2025      | 0859761975       |                        |
| 2   | TH Nguyễn Văn Trỗi | Xã Krông Ana | TH      | 2                               | 1             | CNL                                                                  | Tháng 10 năm 2025      | 0949670505       |                        |
| 3   | MN Hoa Phượng      | Xã Krông Ana | MN      | 2                               | 1             | CNM                                                                  | Tháng 11 năm 2025      | 0944504479       |                        |
| 4   | MN Hoa Cúc         | Xã Krông Ana | MN      | 3                               | 2             | CNL                                                                  | Tháng 11 năm 2025      | 0974997229       | Đã đề xuất<br>năm 2024 |
| 5   | MN Krông Ana       | Xã Krông Ana | MN      | 3                               | 2             | CNL                                                                  | Tháng 11 năm 2025      | 0376062927       |                        |

**Phụ lục 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**  
**ĐẾN THỜI ĐIỂM THÁNG 8/2025**  
*(Kèm theo Công văn số     /UBND-VHXXH, ngày     /8/2025 của UBND xã Krông Ana)*

| STT | Xã/Phường    | Bậc, cấp học | Tổng số trường hiện nay | Số trường đã công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2 - giai đoạn 2021-2025 |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|-----|--------------|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|     |              |              |                         | 2021                                                                                 |          | 2022     |          | 2023     |          | 2024     |          | 2025     |          |
|     |              |              |                         | Mức độ 1                                                                             | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 |
| 1   | Xã Krông Ana | Mầm non      | 5                       | 1                                                                                    | 2        | 1        | 2        | 1        | 2        | 1        | 2        | 0        | 0        |
|     |              | Tiểu học     | 5                       | 8                                                                                    | 0        | 8        | 0        | 6        | 0        | 5        | 0        | 0        | 0        |
|     |              | TH và THCS   | 0                       | 0                                                                                    | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        | 0        |
|     |              | THCS         | 5                       | 3                                                                                    | 0        | 3        | 0        | 4        | 0        | 5        | 0        | 0        | 0        |

Phụ lục 3  
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐỀ CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA  
GIAI ĐOẠN 2026-2030 (BẬC HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS)  
(Kèm theo Công văn số     /UBND-VHXXH, ngày     /8/2025 của UBND xã Krông Ana)

| STT | Xã/Phường    | Bậc, cấp học | Tổng số trường hiện nay | Số trường đăng ký công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và mức độ 2, giai đoạn 2026-2030 |          |          |          |          |          |          |          |          |          |
|-----|--------------|--------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
|     |              |              |                         | 2026                                                                                     |          | 2027     |          | 2028     |          | 2029     |          | 2030     |          |
|     |              |              |                         | Mức độ 1                                                                                 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 1 | Mức độ 2 |
| 1   | Xã Krông Ana | Mầm non      | 5                       | 0                                                                                        | 0        | 0        | 0        | 1        |          | 1        |          | 1        | 2        |
|     |              | Tiểu học     | 5                       | 0                                                                                        | 0        | 0        | 0        | 2        |          | 0        |          | 3        |          |
|     |              | TH và THCS   | 0                       | 0                                                                                        | 0        | 0        | 0        | 0        |          | 0        |          | 0        |          |
|     |              | THCS         | 5                       | 0                                                                                        | 0        | 0        | 0        | 3        | 1        | 1        |          | 0        |          |